# VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

## VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NGHỊ ĐỊNH**
**Quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay**

Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,*

*Chính phủ ban hành Nghị định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay*[1].

### Chương I
### QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về việc đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay tại Việt Nam, bao gồm: Đăng ký, xóa đăng ký quốc tịch tàu bay; đăng ký và xóa đăng ký các quyền đối với tàu bay; cấp mã số để đăng ký, xóa đăng ký các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam; đăng ký, xóa đăng ký văn bản chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký hoặc xuất khẩu tàu bay.

---

[1] Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay có căn cứ ban hành như sau:

*"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay."*

2. Nghị định này không quy định về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay công vụ, bao gồm tàu bay quân sự, tàu bay chuyên dụng của lực lượng hải quan, công an và các tàu bay khác sử dụng cho mục đích công vụ nhà nước, trừ trường hợp tàu bay công vụ được dùng vào mục đích dân dụng.

3. Việc đăng ký thế chấp hoặc đăng ký cầm cố đối với tàu bay được thực hiện theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký quốc tịch, đăng ký các quyền đối với tàu bay tại Việt Nam.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Đăng ký quốc tịch tàu bay bao gồm đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.

2. Các quyền đối với tàu bay, bao gồm:

a) Quyền sở hữu tàu bay;

b) Quyền chiếm hữu tàu bay thông qua việc thuê - mua hoặc thuê tàu bay có thời hạn từ sáu tháng trở lên;

c) Thế chấp, cầm cố tàu bay hoặc các giao dịch bảo đảm khác theo quy định của pháp luật về dân sự;

d) Quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay;

đ) Các quyền khác theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Công ước và Nghị định thư Cape Town (gọi tắt là Công ước Cape Town) là Công ước về quyền lợi quốc tế đối với trang thiết bị lưu động và Nghị định thư về các vấn đề cụ thể đối với trang thiết bị tàu bay.

4. Quyền lợi quốc tế đối với tàu bay là các quyền lợi do người nhận bảo đảm bằng tàu bay, người cho thuê tàu bay, người bán tàu bay có điều kiện nắm giữ theo quy định của Công ước Cape Town.

5. Quyền lợi quốc tế được đăng ký là các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay được đăng ký tại Tổ chức Đăng ký quốc tế theo quy định của Công ước Cape Town.

6. Mã số AEP (Authority Entry Point Code) là mã số được cấp theo quy định của Công ước Cape Town để phục vụ cho việc đăng ký hoặc xóa đăng ký các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay.

7. Văn bản IDERA (Irrevocable De-registration and Export Request Authorisation) là văn bản được ban hành theo quy định của Công ước Cape Town, trong đó chỉ rõ người có quyền yêu cầu xóa đăng ký hoặc xuất khẩu tàu bay.

8. Thứ tự ưu tiên thanh toán là thứ tự của các khoản nợ được ưu tiên thanh toán theo quy định của pháp luật.

## Chương II

## ĐĂNG KÝ, XÓA ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH TÀU BAY; XUẤT KHẨU TÀU BAY

### Mục 1

### ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH TÀU BAY

**Điều 4. Yêu cầu và điều kiện đăng ký quốc tịch tàu bay**

1. Yêu cầu về đăng ký quốc tịch tàu bay

a)[2] Tàu bay thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân Việt Nam và do tổ chức, cá nhân Việt Nam khai thác (trường hợp tàu bay do cá nhân khai thác thì cá nhân phải thường trú tại Việt Nam); tàu bay được thuê mua hoặc thuê theo hình thức thuê không có tổ bay với thời hạn thuê từ 24 tháng trở lên để khai thác tại Việt Nam phải đăng ký mang quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.

b) Trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhập khẩu vào Việt Nam, tàu bay phải được đăng ký mang quốc tịch Việt Nam.

2. Điều kiện tàu bay được đăng ký mang quốc tịch Việt Nam

a) Chưa có quốc tịch của bất kỳ quốc gia nào hoặc đã xóa đăng ký quốc tịch nước ngoài;

b) Có giấy tờ hợp pháp chứng minh về quyền sở hữu tàu bay; quyền chiếm hữu tàu bay đối với trường hợp thuê - mua hoặc thuê tàu bay;

c)[3] Đối với tàu bay đã qua sử dụng, khi đăng ký quốc tịch lần đầu phải đáp ứng yêu cầu về tuổi như quy định áp dụng cho tàu bay đã qua sử dụng tại thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định của pháp luật.

d) Đáp ứng các điều kiện, yêu cầu về đảm bảo quốc phòng, an ninh; an toàn hàng không, an ninh hàng không và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3.[4] Điều kiện tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam

---

[2]Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[3]Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[4]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

Tàu bay được đăng ký tạm thời mang quốc tịch Việt Nam nếu tàu bay đó đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam và đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm b và d Khoản 2 Điều này.

4. Người có quyền đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay, bao gồm:

a) Chủ sở hữu tàu bay;

b) Người thuê - mua tàu bay, người thuê tàu bay (sau đây gọi chung là người thuê tàu bay).

**Điều 5. Thủ tục đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam**

1. Người đề nghị đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam gửi 01 bộ[5] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[6] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c)[7] Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay;

---

[5]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[6]Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[7]Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" tại điểm này được thay thế bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực" theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

d)[8] Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy chứng nhận chưa có đăng ký do quốc gia nhà chế tạo cấp hoặc giấy chứng nhận đã xóa đăng ký do quốc gia đã đăng ký cấp;

đ)[9] Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực tài liệu về tình trạng kỹ thuật của tàu bay, bao gồm: Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu còn hiệu lực đối với tàu bay được sản xuất tại nước ngoài; văn bản xác nhận của nhà chế tạo về tuân thủ các điều kiện thiết kế, chế tạo còn hiệu lực đối với tàu bay mới xuất xưởng; lý lịch ghi chép đầy đủ tình trạng thực hiện các chỉ lệnh hoặc thông báo kỹ thuật đã được thực hiện trên tàu bay; lý lịch ghi chép đầy đủ tình trạng kỹ thuật của tàu bay, động cơ và các thiết bị khác;

e)[10] Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hợp đồng mua tàu bay hoặc hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê - mua tàu bay.

3.[11] ***(được bãi bỏ)***

4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

---

[8]Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" tại điểm này được thay thế bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực" theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[9]Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" tại điểm này được thay thế bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực" theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[10]Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" tại điểm này được thay thế bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực" theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[11] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

5. Người đề nghị đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Thủ tục đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam**

1. Người đề nghị đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam gửi 01 bộ[12] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[13] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c)[14] Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay;

d)[15] Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy tờ hợp pháp chứng minh việc tàu bay đang trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam;

---

[12]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[13]Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[14]Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" tại điểm này được thay thế bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực" theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[15]Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" tại điểm này được thay thế bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực" theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

đ) Hồ sơ thiết kế tàu bay.

3.[16] ***(được bãi bỏ).***

4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam có giá trị hiệu lực không quá 36 tháng kể từ ngày cấp và không được gia hạn.

6. Người đề nghị đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay**

1. Trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam bị rách, hư hỏng hoặc bị mất thì người đề nghị đăng ký phải thông báo bằng văn bản đến Cục Hàng không Việt Nam để được cấp lại Giấy chứng nhận.

2. Người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay gửi 01 bộ[17] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[18] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.

---

[16]Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[17]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[18]Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam trừ trường hợp bị mất; đăng thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Hàng không Việt Nam.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

## Mục 2

## XÓA ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH TÀU BAY, XUẤT KHẨU TÀU BAY

### Điều 8. Các trường hợp xóa đăng ký quốc tịch

1. Các trường hợp tàu bay bị xóa đăng ký mang quốc tịch Việt Nam, gồm:

a) Tàu bay bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

b) Tàu bay không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định này;

c) Theo đề nghị của chủ sở hữu tàu bay hoặc người đề nghị đăng ký tàu bay;

d) Theo đề nghị của người được chỉ định tại văn bản IDERA;

đ)[19] Tàu bay hư hỏng nặng không còn khả năng sửa chữa, phục hồi.

2. Các trường hợp tàu bay bị xóa đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, gồm:

a) Thời hạn đăng ký tạm thời đã hết theo Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam;

---

[19]Điểm này được bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

b) Tàu bay không còn trong giai đoạn chế tạo, lắp ráp hoặc thử nghiệm tại Việt Nam;

c) Theo đề nghị của chủ sở hữu tàu bay hoặc người được chỉ định tại văn bản IDERA.

**Điều 9. Thủ tục xóa đăng ký quốc tịch tàu bay**

1.[20] Đối với trường hợp xóa đăng ký quy định tại các điểm a, b và đ Khoản 1 và điểm a, b Khoản 2 Điều 8 Nghị định này, Cục Hàng không Việt Nam quyết định xóa đăng ký quốc tịch tàu bay và cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp bị mất hoặc tiêu hủy theo tàu bay.

2. Đối với trường hợp xóa đăng ký quy định tại các Điểm c, d Khoản 1, Điểm c Khoản 2 Điều 8 Nghị định này, người đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay gửi 01 bộ[21] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

Trường hợp văn bản IDERA đã được đăng ký theo quy định tại Nghị định này thì chỉ người được chỉ định tại văn bản IDERA có quyền đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay,

3. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam, bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[22] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký;

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật;

c) Trường hợp người đề nghị xóa đăng ký là người được chỉ định tại văn bản IDERA thì hồ sơ phải bao gồm cả văn bản đồng ý xóa đăng ký và xuất khẩu

---

[20]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[21]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[22]Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

tàu bay của những người có quyền lợi quốc tế đã được đăng ký có thứ tự ưu tiên cao hơn so với quyền lợi quốc tế của người đề nghị xóa đăng ký hoặc có tài liệu để chứng minh các quyền lợi quốc tế được đăng ký có thứ tự ưu tiên cao hơn đã được thực hiện;

d) Trường hợp người đề nghị xóa đăng ký là người nhận bảo đảm bằng tàu bay theo chỉ định tại văn bản IDERA, hồ sơ phải bao gồm cả tài liệu chứng minh người đề nghị xóa đăng ký đã thông báo bằng văn bản đến những người có quyền lợi quốc tế đã được đăng ký, chủ sở hữu tàu bay, người đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay về việc đề nghị xóa đăng ký tàu bay ít nhất 10 ngày trước ngày nộp hồ sơ đề nghị.

4.[23] ***(được bãi bỏ).***

5. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận tàu bay mang quốc tịch Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp bị mất hoặc tiêu hủy theo tàu bay; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị xóa đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

6. Người đề nghị xóa đăng ký quốc tịch tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

**Điều 10. Xuất khẩu tàu bay**

1. Điều kiện xuất khẩu tàu bay bao gồm:

a) Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc công nhận;

b) Đáp ứng các yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh; an toàn hàng không, an ninh hàng không và bảo vệ môi trường theo quy định;

c)[24] ***(được bãi bỏ)***;

d) Tàu bay đã được xóa đăng ký mang quốc tịch Việt Nam.

2. Người có quyền đề nghị xuất khẩu tàu bay, bao gồm:

a) Chủ sở hữu tàu bay; người cho thuê tàu bay;

---

[23] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[24] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

b) Người được chỉ định tại văn bản IDERA.

3.[25] Trường hợp chủ sở hữu tàu bay, người cho thuê tàu bay đề nghị xuất khẩu tàu bay thì phải có sự đồng ý bằng văn bản của người đề nghị đăng ký tàu bay, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

4. Trường hợp văn bản IDERA đã được đăng ký theo quy định tại Nghị định này thì chỉ người được chỉ định tại văn bản IDERA có quyền đề nghị xuất khẩu tàu bay.

5. Việc xuất khẩu tàu bay được thực hiện theo quy định tại Nghị định này, quy định về cấp phép bay và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

## Mục 3
## DẤU HIỆU QUỐC TỊCH VÀ DẤU HIỆU ĐĂNG KÝ

**Điều 11. Dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký**

1. Dấu hiệu quốc tịch Việt Nam của tàu bay bao gồm biểu tượng Quốc kỳ Việt Nam và dấu hiệu đăng ký của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.

2. Dấu hiệu đăng ký của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam được biểu thị bằng hai (02) chữ cái viết liền "VN" và tiếp theo là dấu gạch nối "-", một trong các chữ cái sau đây và ba (03) chữ số Ả rập:

a) Chữ "A" đối với tàu bay có động cơ phản lực (Turbofan/Turbojet);

b) Chữ "B" đối với tàu bay có động cơ phản lực cánh quạt (Turboprop);

c) Chữ "C" đối với tàu bay có động cơ piston;

d) Chữ "D" đối với các phương tiện bay khác.

**Điều 12. Yêu cầu chung đối với việc sơn, gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký tàu bay**

1. Khi hoạt động, tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải được sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký.

2.[26] Tàu bay mang quốc tịch Việt Nam không được có dấu hiệu có nội dung hoặc hình thức giống hoặc có thể gây nhầm lẫn với tàu bay mang quốc tịch của quốc gia khác.

---

[25]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[26]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

3. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thông báo với Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO) về dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.

**Điều 13. Vị trí và kích thước của dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký**

1. Dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký của tàu bay mang quốc tịch Việt Nam được thể hiện trên thân và cánh tàu bay phải bảo đảm có độ bền, rõ ràng và dễ nhận biết bằng mắt thường hoặc bằng các phương tiện nhận biết thông thường khác.

2. Yêu cầu đối với việc sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký, cụ thể như sau:

a) Hình ảnh Quốc kỳ Việt Nam[27] có chiều rộng bằng hai phần ba (2/3) chiều dài, kích thước cân đối và phù hợp với từng loại tàu bay; được sơn hoặc gắn ở hai mặt ngoài của cánh đuôi đứng hoặc hai bên phần đầu thân của tàu bay.

b) Chữ và số thể hiện dấu hiệu đăng ký phải được trình bày bằng chữ và số in hoa; chiều cao của mỗi ký tự (trừ dấu gạch nối) trong cùng một nhóm dấu hiệu phải bằng nhau;

c) Chiều rộng của mỗi ký tự (trừ số 1) phải bằng hai phần ba (2/3) chiều cao của mỗi ký tự; chiều rộng của số 1 phải bằng một phần sáu (1/6) chiều cao của mỗi ký tự. Dấu gạch nối phải nằm ở khoảng giữa chiều cao của ký tự và có chiều rộng bằng một nửa chiều cao của ký tự;

d) Đường nét của mỗi ký tự phải là nét đậm, có màu sắc tương phản với nền của vị trí được sơn, gắn dấu hiệu. Độ rộng của đường nét bằng một phần sáu chiều cao của mỗi ký tự. Khoảng cách giữa các ký tự ít nhất phải bằng một phần tư (1/4) chiều rộng của mỗi ký tự.

3. Vị trí và chiều cao của việc sơn, gắn dấu hiệu đăng ký đối với tàu bay nặng hơn không khí, cụ thể như sau:

a) Ở cánh của tàu bay: Mặt dưới của cánh trái và có thể là toàn bộ mặt dưới của hai cánh nếu phải kéo dài. Dấu hiệu phải nằm ở vị trí cách đều với mép trước và mép sau của cánh; đỉnh của dấu hiệu phải hướng về mép trước của cánh tàu bay. Chiều cao của dấu hiệu ít nhất phải bằng 50 cm;

b) Ở thân của tàu bay (hoặc các cấu trúc tương tự) và bề mặt đuôi đứng: Chiều cao của dấu hiệu ít nhất bằng 30 cm và tại hai bên của thân tàu bay, trong khoảng giữa cánh và đuôi nằm ngang hoặc nửa trên của hai mặt đối với tàu bay có một đuôi đứng, nửa trên của mặt ngoài của các đuôi phía ngoài đối với tàu bay có nhiều đuôi đứng.

---

[27] Cụm từ "Biểu tượng Quốc kỳ Việt Nam" tại điểm này được thay thế bằng cụm từ "Hình ảnh Quốc kỳ Việt Nam" theo quy định tại Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

4.[28] Đối với tàu bay nặng hơn không khí nhưng không có bộ phận đáp ứng theo quy định tại Khoản 3 Điều này và tàu bay khác không phải tàu bay nặng hơn không khí, việc sơn hoặc gắn dấu hiệu do người đăng ký tàu bay quyết định và phải phù hợp với quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

5. Trường hợp tàu bay được thuê có tổ bay[29], tàu bay phải được sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhập khẩu vào Việt Nam.

## Chương III

## ĐĂNG KÝ CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI TÀU BAY, XÓA ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BAY, QUYỀN CHIẾM HỮU TÀU BAY

### Mục 1

### ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BAY, QUYỀN CHIẾM HỮU TÀU BAY

**Điều 14. Nguyên tắc chung**

1. Các quyền đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam phải được đăng ký theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có các quyền đối với tàu bay mang quốc tịch nước ngoài thì thực hiện việc đăng ký theo quy định của pháp luật của quốc gia mà tàu bay mang quốc tịch.

3. Thời điểm đăng ký các quyền đối với tàu bay quy định tại Khoản 1 Điều này được xác định theo thời điểm nhận hồ sơ hợp lệ.

**Điều 15. Thủ tục đăng ký quyền sở hữu tàu bay**

1. Chủ sở hữu tàu bay đề nghị đăng ký quyền sở hữu tàu bay gửi 01 bộ[30] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký quyền sở hữu tàu bay Việt Nam bao gồm:

---

[28]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[29]Cụm từ "tổ lái" tại khoản này được thay thế bằng cụm từ "tổ bay" theo quy định tại Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[30]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[31] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c)[32] Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy tờ hợp pháp chứng minh về sở hữu tàu bay; trường hợp chuyển quyền sở hữu tàu bay phải có thêm giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của chủ sở hữu cũ.

3.[33] ***(được bãi bỏ)***.

4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu tàu bay theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Người đề nghị đăng ký quyền sở hữu tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

---

[31]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[32]Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" tại điểm này được thay thế bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực" theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[33]Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

**Điều 16. Thủ tục đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay**

1.[34] Người thuê mua tàu bay, người thuê tàu bay có thời hạn từ 06 tháng trở lên đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay gửi 01 bộ[35]hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay Việt Nam bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[36] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c)[37] Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê mua tàu bay trong trường hợp bên cho thuê trong Hợp đồng thuê tàu bay hoặc bên cho thuê mua trong Hợp đồng cho thuê mua tàu bay đồng thời là chủ sở hữu tàu bay;

---

[34]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[35]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[36]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[37]Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" tại điểm này được thay thế bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực" theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

d)[38] Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực hợp đồng thuê tàu bay hoặc thuê mua tàu bay và giấy tờ chứng minh bên cho thuê hoặc bên cho thuê mua tàu bay có quyền cho thuê lại tàu bay trong trường hợp bên cho thuê trong Hợp đồng cho thuê tàu bay hoặc bên cho thuê mua trong Hợp đồng cho thuê mua tàu bay không phải là chủ sở hữu tàu bay.

3.[39] ***(được bãi bỏ).***

4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Người đề nghị đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

**Điều 17. Thủ tục đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay**

1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc việc cứu hộ, giữ gìn tàu bay, người đề nghị đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay gửi 01 bộ[40] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

---

[38]Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" tại điểm này được thay thế bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực" theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[39]Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[40]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[43] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay, Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay hoặc Giấy chứng nhận đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay, Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay hoặc Giấy chứng nhận đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay trừ trường hợp bị mất; đăng thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Hàng không Việt Nam; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Người đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

## Mục 2

## XÓA ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BAY, QUYỀN CHIẾM HỮU TÀU BAY

### Điều 20. Thủ tục xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay

1. Chủ sở hữu tàu bay đề nghị xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay gửi 01 bộ[44] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp

---

[43]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[44]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các thông tin trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay Việt Nam bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[45] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký;

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.

3.[46] Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay đã cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tàu bay bị mất. Trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

**Điều 21. Thủ tục xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay**

1. Người thuê tàu bay đã đăng ký đề nghị xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay gửi 01 bộ[47] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay Việt Nam bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

---

[45]Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[46]Khoản này được được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[47]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

b)[48] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký;

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.

3.[49] Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; thu hồi Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay đã cấp, trừ trường hợp Giấy chứng nhận quyền chiếm hữu tàu bay bị mất. Trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

## Chương IV

## THỦ TỤC CẤP MÃ SỐ AEP VÀ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ, XÓA ĐĂNG KÝ VĂN BẢN IDERA

### Điều 22. Thủ tục cấp mã số AEP

1. Tổ chức, cá nhân có các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam đề nghị cấp mã số AEP gửi 01 bộ[50] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị cấp mã số AEP, bao gồm:

a) Hai (02) tờ khai cấp mã số AEP theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

---

[48]Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[49]Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[50]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

b)[51] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cấp mã số AEP.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cấp mã số AEP do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c)[52] Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền lợi quốc tế đối với tàu bay của người đề nghị cấp mã số AEP.

3.[53] ***(được bãi bỏ)***.

4. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp mã số AEP và trả lại một (01) tờ khai cho người đề nghị; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Người đề nghị cấp mã số AEP nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

**Điều 23. Thủ tục đăng ký văn bản IDERA**

1. Chủ sở hữu tàu bay hoặc người đề nghị đăng ký tàu bay đề nghị đăng ký văn bản IDERA gửi 01 bộ[54] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị đăng ký văn bản IDERA, bao gồm:

---

[51]Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[52]Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" tại điểm này được thay thế bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực" theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[53]Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[54]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

a) Hai (02) tờ khai đăng ký văn bản IDERA theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[55] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký văn bản IDERA.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký văn bản IDERA do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

c)[56] Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực tài liệu chứng minh quyền lợi quốc tế của người được chỉ định đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam.

3.[57] ***(được bãi bỏ)***.

4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xác nhận đăng ký trong tờ khai đăng ký văn bản IDERA và trả lại một (01) tờ khai cho người đề nghị; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Người đề nghị đăng ký văn bản IDERA phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

**Điều 24. Thủ tục xóa đăng ký văn bản IDERA**

1. Người được chỉ định trong văn bản IDERA đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA gửi 01 bộ[58] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình

---

[55]Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[56]Cụm từ "Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu)" tại điểm này được thay thế bằng cụm từ "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực" theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[57]Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[58]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ.

2. Hồ sơ đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA bao gồm:

a) Hai (02) tờ khai xóa đăng ký văn bản IDERA theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[59] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

3.[60] ***(được bãi bỏ).***

4. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp xác nhận xóa đăng ký trong tờ khai xóa đăng ký văn bản IDERA và trả lại một (01) tờ khai cho người đề nghị; trường hợp không cấp, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, trong thời hạn một (01) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản hướng dẫn người đề nghị đăng ký hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

5. Người đề nghị xóa đăng ký văn bản IDERA phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

## Chương V
## SỔ ĐĂNG BẠ TÀU BAY VIỆT NAM

### Điều 25. Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam

1. Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam được sử dụng để ghi các thông tin liên quan đến đăng ký, xóa đăng ký quốc tịch và các quyền đối với tàu bay, việc xử lý tài sản bảo đảm bằng tàu bay và các thông tin khác liên quan đến tàu bay mang quốc tịch Việt Nam và tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam.

---

[59]Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[60]Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam được lập dưới dạng Sổ ghi chép trên giấy hoặc lập Sổ điện tử.

2. Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Ngày vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam đối với từng loại đăng ký;

b) Giấy chứng nhận đã cấp với từng loại đăng ký: Số, ngày cấp;

c) Quốc tịch và số hiệu đăng ký;

d) Loại tàu bay;

đ) Nhà sản xuất tàu bay;

e) Số và ngày xuất xưởng tàu bay;

g) Phân nhóm tàu bay;

h) Giấy chứng nhận loại tàu bay: Số, cơ quan cấp;

i) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu: Số, cơ quan cấp, ngày cấp;

k) Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay: Số, cơ quan cấp, ngày cấp;

l) Chủ sở hữu: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

m) Người chiếm hữu: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

n) Thời hạn của việc chiếm hữu đối với tàu bay thuê;

o) Người khai thác: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

p) Người thuê tàu bay: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

q) Bên bảo đảm: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

r) Bên nhận bảo đảm: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

s) Giá trị nghĩa vụ được bảo đảm bằng tàu bay;

t) Thời hạn có hiệu lực của việc đăng ký giao dịch bảo đảm;

u) Người thông báo xử lý tài sản bảo đảm bằng tàu bay: Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch;

v) Tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch của người thực hiện cứu hộ, giữ gìn tàu bay;

x) Thời hạn có hiệu lực đối với tàu bay được đăng ký tạm thời quốc tịch;

y) Xóa đăng ký đối với từng loại đăng ký: Ngày, lý do xóa đăng ký;

z) Các thông tin cần thiết khác.

**Điều 26. Cung cấp thông tin đăng ký trong Sổ đăng bạ tàu bay**

1. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của tàu bay đề nghị cung cấp thông tin đã được đăng ký trong Sổ đăng bạ tàu bay gửi 01 bộ[61] hồ sơ trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

2. Hồ sơ đề nghị cung cấp thông tin bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 14 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b)[62] Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cung cấp thông tin.

Trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị cung cấp thông tin do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

3. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cung cấp thông tin, cấp trích lục, bản sao từ Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam cho người đề nghị; trường hợp không cung cấp thông tin, Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Người đề nghị cung cấp thông tin phải nộp phí theo quy định của pháp luật.

5. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay, Cục Hàng không Việt Nam cung cấp thông tin về việc đăng ký quốc tịch tàu bay cho Bộ Quốc phòng để phục vụ công tác quản lý vùng trời, quản lý bay và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 27. Giải quyết khiếu nại, kiến nghị; sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA[63]**

---

[61]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[62]Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

[63]Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm giải quyết và trả lời bằng văn bản các khiếu nại, kiến nghị hoặc yêu cầu của tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA.

2. Người đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA gửi 01 bộ[64] hồ sơ đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin trực tiếp, qua hệ thống bưu chính hoặc các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

3. Hồ sơ đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA bao gồm:

a) Tờ khai theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính hoặc bản sao chụp từ bản chính hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA; trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị sửa chữa, bổ sung thông tin, điều chỉnh về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật;

c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao do chính cơ quan, tổ chức, hoặc cá nhân đã lập bản chính xác thực tài liệu chứng minh về các thông tin cần sửa chữa, bổ sung hoặc điều chỉnh.

4. Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thực hiện việc sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA, cấp Giấy chứng nhận mới hoặc ban hành văn bản liên quan.

Trường hợp từ chối việc sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA thì Cục Hàng không Việt Nam phải trả lời người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Các Giấy chứng nhận mới hoặc văn bản liên quan được Cục Hàng không Việt Nam ban hành sau quá trình sửa chữa, bổ sung hoặc điều chỉnh sẽ thay thế cho các giấy chứng nhận, văn bản tương ứng ban đầu.

---

[64]Số lượng hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

5. Người đề nghị sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA phải nộp phí theo quy định của pháp luật.

## Chương VI
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 28. Hiệu lực thi hành**[65]

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2015.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 70/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng và Nghị định số 50/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 70/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng.

**Điều 29. Xử lý chuyển tiếp**

Các Giấy chứng nhận liên quan đến đăng ký tàu bay tại Việt Nam đã cấp trước ngày Nghị định có hiệu lực thì vẫn tiếp tục có giá trị sử dụng theo thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận đó; trường hợp các Giấy chứng nhận này hết hiệu lực thì phải thực hiện việc cấp mới theo quy định tại Nghị định này.

---

[65] Điều 2 của Nghị định số 07/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019 quy định như sau:

"***Điều 2. Hiệu lực thi hành***

*1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 3 năm 2019; bãi bỏ Khoản 3 Điều 5, Khoản 3 Điều 6, Khoản 4 Điều 9, điểm c Khoản 1 Điều 10, Khoản 3 Điều 15, Khoản 3 Điều 16, Khoản 3 Điều 22, Khoản 3 Điều 23 và Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 68/2015/NĐ - CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ.*

*2. Các hồ sơ đề nghị đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay đang được xử lý trước khi Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.".*

**Điều 30. Tổ chức thực hiện**[66]

1. Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài chính quy định mức thu và chế độ quản lý, sử dụng các loại phí, lệ phí liên quan đến việc đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay, đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay, cấp mã số đăng ký, xóa đăng ký các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, đăng ký và xóa đăng ký văn bản chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký hoặc xuất khẩu tàu bay; cung cấp thông tin trong Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam và sửa chữa, bổ sung thông tin về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

---

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Số: 05 /VBHN-BGTVT

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019*

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Thể**

---

[66] Điều 3 của Nghị định số 07/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019 quy định như sau:

"***Điều 3. Trách nhiệm thi hành***

*1. Bộ Giao thông vận tải tổ chức thi hành Nghị định này.*

*2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./."*

**Phụ lục**

**MẪU TỜ KHAI, GIẤY CHỨNG NHẬN SỬ DỤNG KHI ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH VÀ ĐĂNG KÝ CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI TÀU BAY**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ)*

| STT | TÊN MẪU ĐƠN, GIẤY CHỨNG NHẬN |
|---|---|
| Mẫu số 01 | Tờ khai đăng ký tàu bay |
| Mẫu số 02 | Tờ khai xóa đăng ký |
| Mẫu số 03 | Tờ khai cấp lại giấy chứng nhận/sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin |
| Mẫu số 04 | Giấy chứng nhận đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam |
| Mẫu số 05 | Giấy chứng nhận đăng ký tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam |
| Mẫu số 06 | Giấy chứng nhận xóa đăng ký quốc tịch tàu bay Việt Nam |
| Mẫu số 07 | Giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu tàu bay |
| Mẫu số 08 | Giấy chứng nhận đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay |
| Mẫu số 09 | Giấy chứng nhận đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay |
| Mẫu số 10 | Giấy chứng nhận xóa đăng ký quyền sở hữu, quyền chiếm hữu tàu bay |
| Mẫu số 11 | Tờ khai cấp mã số đăng ký, xóa đăng ký các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam |
| Mẫu số 12 | Tờ khai đăng ký chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký quốc tịch và xuất khẩu tàu bay |
| Mẫu số 13 | Tờ khai xóa đăng ký chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký quốc tịch và xuất khẩu tàu bay |
| Mẫu số 14 | Tờ khai cung cấp thông tin |

**Mẫu số 01**

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC**<br>**NAME OF ORGANIZATION**<br>**------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------**<br>**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**<br>**Independence - Freedom - Happiness**<br>**----------** |

**TỜ KHAI**
**Đăng ký tàu bay**
**Application for registration of aircraft**

**I. NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/APPLICANT**

1. Tên/Full name: .....
2. Quốc tịch/Nationality: .....
3. Địa chỉ/Address:.....
4. Điện thoại/Tel:

**II. TÀU BAY/AIRCRAFT**

1. Loại tàu bay/Type of aircraft:.....
2. Kiểu loại tàu bay/Designation of aircraft:.....
3. Nhà sản xuất/Manufacturer:.....
4. Số xuất xưởng tàu bay/Aircraft serial number:.....
5. Trọng lượng cất cánh tối đa/MTOW:.....
6. Năm xuất xưởng/Year:.....
7. Số lượng và kiểu loại động cơ/Number and designation of engines:.....
8. Dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký/Nationality and registration mark:.....

**III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ/REGISTRATION INFORMATION**

| | |
|---|---|
| **Đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam/Registration of Vietnamese nationality of aircraft**<br>- Tên và địa chỉ của chủ sở hữu/Full name and address of the owner: .....<br>- Tên và địa chỉ người thuê/Full name and address of the lessee: .....<br>- Tên và địa chỉ người cho thuê/Full name and address of the lessor: ..... | ☐ |
| **Đăng ký tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam/Registration of temporary Vietnamese nationality of aircraft**<br>- Tên và địa chỉ của chủ sở hữu/Full name and address of the owner: .....<br>- Tên và địa chỉ người thuê/Full name and address of the lessee: .....<br>- Tên và địa chỉ người cho thuê/Full name and address of the lessor: ..... | ☐ |
| **Đăng ký quyền sở hữu tàu bay/Ownership** | ☐ |
| **Đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay/Right to possession** | ☐ |

| | |
|---|---|
| Thời hạn chiếm hữu/Duration of possession:<br>- Thời điểm bắt đầu/Date of effectiveness:.....<br>- Thời điểm kết thúc/Date of expiry:..... | |
| **Đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay/Registration of priority right to payment for rescue and preservation of aircraft**<br>- Địa điểm thực hiện cứu hộ gìn giữ tàu bay/Place of rescue and preservation:.....<br>- Thời gian thực hiện cứu hộ và gìn giữ tàu bay/Time of rescue and preservation:.. | ☐ |

*Tài liệu gửi kèm theo đơn/Attachments:*

*Ngày tháng năm*
*Date month year*
**Người đề nghị/Applicant**
*(Ký/đóng dấu)/(Signature/seal)*

Tôi xin cam đoan các thông tin trong đơn là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai trong đơn này.

I declare that all particulars supplied in this application are correct and complete and shall fully be responsible for the provided information.

**Mẫu số 02**

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC**<br>**NAME OF ORGANIZATION**<br>**------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------**<br>**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**<br>**Independence - Freedom - Happiness**<br>**----------** |

**TỜ KHAI**
**Xóa đăng ký**
**Application for deregistration of aircraft**

**I. NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/APPLICANT**

1. Tên/Full name: .....
2. Quốc tịch/Nationality: .....
3. Địa chỉ/Address:.....
4. Điện thoại/Tel:

**II. TÀU BAY/AIRCRAFT**

1. Loại tàu bay/Type of aircraft:.....
2. Kiểu loại tàu bay/Designation of aircraft:.....
3. Nhà sản xuất/Manufacturer:.....
4. Số xuất xưởng tàu bay/Aircraft serial number:.....
5. Trọng lượng cất cánh tối đa/MTOW:.....
6. Năm xuất xưởng/Year:.....
7. Số lượng và kiểu loại động cơ/Number and designation of engines:.....
8. Dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký/Nationality and registration mark:.....

**III. NỘI DUNG XÓA ĐĂNG KÝ[3]/DEREGISTRATION INFORMATION**

| | |
|---|---|
| **Xóa đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam/Deregistration of Vietnamese nationality of aircraft**<br>Giấy chứng nhận đã cấp/Issued certificate:<br>- Số/No.:.....<br>- Ngày cấp/Date of issued:..... | ☐ |
| **Xóa đăng ký tàu bay tạm thời mang quốc tịch Việt Nam/Deregistration of temporary Vietnamese nationality of aircraft**<br>Giấy chứng nhận đã cấp/Issued certificate:<br>- Số/No.:.....<br>- Ngày cấp/Date of issued:..... | ☐ |
| **Xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay/Deregistration of aircraft ownership**<br>Giấy chứng nhận đã cấp/Issued certificate: | ☐ |

| | |
|---|---|
| - Số/No.:.....<br>- Ngày cấp/Date of issued:..... | |
| **Xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay/Deregistration of right to aircraft possession**<br>Giấy chứng nhận đã cấp/Issued certificate:<br>- Số/No.:.....<br>- Ngày cấp/Date of issued:..... | ☐ |

*Tài liệu gửi kèm theo đơn/Attachments:*

*Ngày tháng năm*
*Date month year*
**Người đề nghị/Applicant**
*(Ký/đóng dấu)/(Signature/seal)*

Tôi xin cam đoan các thông tin trong đơn là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai trong đơn này.

I declare that all particulars supplied in this application are correct and complete and shall fully be responsible for the provided information.

[3]Người đề nghị lựa chọn loại đăng ký thích hợp

**Mẫu số 03**[67]

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC**<br>**NAME OF ORGANIZATION**<br>------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>----------<br><br>**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**<br>**Independence - Freedom - Happiness**<br>---------- |

**TỜ KHAI**
**Cấp lại giấychứng nhận/sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin**
**Application for reissuing certificate/Amending information in issued certificate**

**I. NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/APPLICANT**

1. Tên/Full name: .....

2. Quốc tịch/Nationality: .....

3. Địa chỉ/Address:.....

4. Điện thoại/Tel:

**II. GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ CẤP/ISSUED CERTIFICATE**

1. Số/No: .....

2. Ngày cấp/Date of issued:.....

3. Nội dung đăng ký/Registration information:.....

**III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ/REQUEST**

| | |
|---|---|
| **Cấp lại giấy chứng nhận/Reissue**<br>Lý do cấp lại/Reason(s):..... | ☐ |
| **Sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin/Additional or amended information**<br>- Nội dung sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh/Details:.....<br>- Lý do sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh/Reason(s):..... | ☐ |

*Tài liệu gửi kèm theo Tờ khai/Attachments:*

*Ngày tháng năm*
*Date month year*
**Người đề nghị/Applicant**
*(Ký/đóng dấu)/(Signature/seal)*

Tôi xin cam đoan các thông tin trong Tờ khai là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai trong Tờ khai này.

I declare that all particulars supplied in this application are correct and complete and shall fully be responsible for the provided information.

[67]Mẫu số 03 này được thay thế bằng Mẫu số 03 theo quy định tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 07/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2019.

**Mẫu số 04**

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**
MINISTRY OF TRANSPORT
**CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM**
---
Số: /năm/GCN-CHK
Number ref: /year/GCN-CHK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
---
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
**Independence - Freedom - Happiness**
---

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU BAY MANG QUỐC TỊCH VIỆT NAM**
**REGISTRATION CERTIFICATE OF VIETNAMESE NATIONALITY AIRCRAFT**

| | | |
|---|---|---|
| Quốc tịch và dấu hiệu đăng ký/ Nationality and registration mark | Nhà sản xuất và kiểu loại tàu bay/Manufacturer and manufacturer's designation of aircraft | Số xuất xưởng/Aircraft serial number |
| Tên và địa chỉ của chủ sở hữu/Name and address of owner | | |
| Tàu bay này được đăng ký vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam phù hợp với Công ước Quốc tế về Hàng không dân dụng ngày 07 tháng 12 năm 1944 và Luật Hàng không dân dụng Việt Nam/It is hereby certified that the above described aircraft has been duly entered on the Aircraft register of Vietnam in accordance with the Convention on Internationnal Civil Aviation dated 07 December 1944, and with the Law on Civil Aviation of Vietnam. | | |
| Ngày đăng ký/Date of registration<br>Ngày cấp/Date of issue | | Ký tên/Signature |
| Ghi chú/Notes:<br>Tên và địa chỉ người đề nghị đăng ký quốc tịch tàu bay/Name and address of applicant<br>Tên và địa chỉ người thuê/Name and address of lessee<br>Tên và địa chỉ người cho thuê/Name and address of lessor | | |

**Mẫu số 05**

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**
MINISTRY OF TRANSPORT
**CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM**

Số: /năm/GCN-CHK
Number ref: /year/GCN-CHK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
**Independence - Freedom - Happiness**

# GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU BAY TẠM THỜI MANG QUỐC TỊCH VIỆT NAM
## REGISTRATION CERTIFICATE OF TEMPORARY VIETNAMESE NATIONALITY AIRCRAFT

| | | |
|---|---|---|
| Quốc tịch và dấu hiệu đăng ký/ Nationality and registration mark | Nhà sản xuất và kiểu loại tàu bay/Manufacturer and manufacturer's designation of aircraft | Số xuất xưởng/Aircraft serial number |
| Tên và địa chỉ của chủ sở hữu hoặc người thuê/Name and address of registered owner or lessor | | |
| Tàu bay này được đăng ký vào Sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam phù hợp với Công ước Quốc tế về Hàng không dân dụng ngày 07 tháng 12 năm 1944 và Luật Hàng không dân dụng Việt Nam/It is hereby certified that the above described aircraft has been duly entered on the Aircraft register of Vietnam in accordance with the Convention on Internationnal Civil Aviation dated 07 December 1944, and with the Law on Civil Aviation of Vietnam. | | |
| Ngày đăng ký/Date of registration<br>Hạn đến/Valid until<br>Ngày cấp/Date of issue | | Ký tên/Signature |
| Ngày cấp gia hạn/Date of renewal<br>Hạn đến/Valid until | | Ký tên/Signature |
| Ghi chú/Notes: | | |

**Mẫu số 06**

| | |
|---|---|
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI<br>**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**<br>MINISTRY OF TRANSPORT<br>**CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM**<br>------<br>Số: /năm/GCN-CHK<br>Number ref: /year/GCN-CHK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>----------<br>**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**<br>**Independence - Freedom - Happiness**<br>---------- |

**GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ QUỐC TỊCH TÀU BAY VIỆT NAM**
**DEREGISTRATION CERTIFICATE OF VIETNAMESE NATIONALITY AIRCRAFT**

| | |
|---|---|
| TÀU BAY DƯỚI ĐÂY ĐÃ ĐƯỢC XÓA ĐĂNG KÝ KHỎI SỔ ĐĂNG BẠ TÀU BAY VIỆT NAM/THE AIRCRAFT DESCRIBED AS FOLLOWS WAS DEREGISTERED FROM VIETNAMESE CIVIL AIRCRAFT REGISTER:<br>Số hiệu đăng ký/Registration mark:<br>Kiểu loại tàu bay/Designation of aircraft:<br>Nhà sản xuất/Manufacturer:<br>Số xuất xưởng/Aircraft serial number:<br>Kiểu loại động cơ/Designation of engines: | |
| **Người đề nghị xóa đăng ký/Applicant for deregistration**<br>Tên/Full name:<br>Địa chỉ/Address: | |
| Ngày xóa đăng ký/Date of deregistration<br>Ngày cấp/Date of issue | Ký tên/Signature |
| Ghi chú/Notes: | |

**Mẫu số 07**

| | |
|---|---|
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI<br>**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**<br>MINISTRY OF TRANSPORT<br>**CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM**<br>---<br>Số: /năm/GCN-CHK<br>Number ref: /year/GCN-CHK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>---<br>**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**<br>**Independence - Freedom - Happiness**<br>--- |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀU BAY**
**REGISTRATION CERTIFICATE OF AIRCRAFT OWNERSHIP**

| | |
|---|---|
| **1. Tàu bay/Aircraft**<br>Số hiệu đăng ký/Registration mark:<br>Loại tàu bay/Type of aircraft:<br>Kiểu loại tàu bay/Designation of aircraft:<br>Nhà sản xuất/Manufacturer:<br>Số và năm xuất xưởng tàu bay/Manufacturer's serial number and year:<br>Kiểu loại động cơ/Designation of engines:<br>**2. Chủ sở hữu/Owner:**<br>Tên/Full name:<br>Quốc tịch/Nationality:<br>Địa chỉ/Address: | |
| Ngày đăng ký/Date of registration<br>Ngày cấp/Date of issue | Ký tên/Signature |
| Ghi chú/Notes: | |

**Mẫu số 08**

| | |
|---|---|
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI<br>**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**<br>MINISTRY OF TRANSPORT<br>**CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM**<br>------<br>Số: /năm/GCN-CHK<br>Number ref: /year/GCN-CHK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>----------<br>**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**<br>**Independence - Freedom - Happiness**<br>---------- |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN CHIẾM HỮU TÀU BAY**
**REGISTRATION CERTIFICATE OF RIGHT TO POSSESSION OF AIRCRAFT**

| | |
|---|---|
| **1. Tàu bay/Aircraft**<br>Số hiệu đăng ký/Registration mark:<br>Loại tàu bay/Type of aircraft:<br>Kiểu loại tàu bay/Designation of aircraft:<br>Nhà sản xuất/Manufacturer:<br>Số và năm xuất xưởng tàu bay/Manufacturer's serial number and year:<br>Kiểu loại động cơ/Designation of engines:<br>**2. Người chiếm hữu/Possessor**<br>Tên/Full name:<br>Quốc tịch/Nationality:<br>Địa chỉ/Address:<br>**3. Thời hạn chiếm hữu/Duration of possession**<br>Thời điểm bắt đầu/Date of effectiveness<br>Thời điểm kết thúc/Date of expiry | |
| Ngày đăng ký/Date of registration<br>Ngày cấp/Date of issue | Ký tên/Signature |
| Ngày cấp gia hạn/Date of renewal<br>Hạn đến/Valid until | Ký tên/Signature |
| Ghi chú/Notes | |

**Mẫu số 09**

| | |
|---|---|
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI<br>**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**<br>MINISTRY OF TRANSPORT<br>**CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM**<br>-------<br>Số: /năm/GCN-CHK<br>Number ref: /year/GCN-CHK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>----------<br>**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**<br>**Independence - Freedom - Happiness**<br>---------- |

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN ƯU TIÊN THANH TOÁN TIỀN CÔNG CỨU HỘ, GIỮ GÌN TÀU BAY**
**REGISTRATION CERTIFICATE OF PRIORITY RIGHT TO PAYMENT FOR RESCUE AND PRESERVATION OF AIRCRAFT**

| | |
|---|---|
| **1. Tàu bay/Aircraft**<br>Số hiệu đăng ký/Registration mark:<br>Loại tàu bay/Type of aircraft:<br>Kiểu loại tàu bay/Designation of aircraft:<br>Nhà sản xuất/Manufacturer:<br>Số và năm xuất xưởng tàu bay/Manufacturer's serial number and year:<br>Kiểu loại động cơ/Designation of engines:<br>**2. Người thực hiện cứu hộ, giữ gìn tàu bay/Individual or entity who undertook rescue and preservation**<br>Tên/Full name:<br>Địa chỉ/Address:<br>**3. Địa điểm thực hiện cứu hộ, giữ gìn tàu bay/Place of rescue and preservation**<br>**4. Thời gian thực hiện cứu hộ, giữ gìn tàu bay/Time of rescue and preservation**<br>Thời điểm bắt đầu/Date of effectiveness<br>Thời điểm kết thúc/Date of expiry | |
| Ngày đăng ký/Date of registration<br>Ngày cấp/Date of issue | Ký tên/Signature |
| Ghi chú/Notes | |

**Mẫu số 10**

| | |
|---|---|
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI<br>**CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**<br>MINISTRY OF TRANSPORT<br>**CIVIL AVIATION AUTHORITY OF VIETNAM**<br>---<br>Số: /năm/GCN-CHK<br>Number ref: /year/GCN-CHK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>----------<br>**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**<br>**Independence - Freedom - Happiness**<br>---------- |

**GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ CÁC QUYỀN ĐỐI VỚI TÀU BAY**
**DEREGISTRATION CERTIFICATE OF RIGHT(S) IN AIRCRAFT**

| | |
|---|---|
| **1. Người đề nghị xóa đăng ký/Applicant for deregistration**<br>Tên/Full name:<br>Địa chỉ/Address:<br>**2. Tàu bay/Aircraft**<br>Số hiệu đăng ký/Registration mark:<br>Loại tàu bay/Type of aircraft:<br>Kiểu loại tàu bay/Designation of aircraft:<br>Nhà sản xuất/Manufacturer:<br>Số và năm xuất xưởng tàu bay/Manufacturer's serial number and year:<br>Kiểu loại động cơ/Designation of engines:<br>**3. Giấy chứng nhận đã cấp/Issued certificate**<br>Số/No:<br>Ngày cấp/Date of issued: | |
| Ngày xóa đăng ký/Date of deregistration<br>Ngày cấp/Date of issue | Ký tên/Signature |
| Ghi chú/Notes | |

**Mẫu số 11**

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC**
**NAME OF ORGANIZATION**
**-------**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
**----------**
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
**Independence - Freedom - Happiness**
**----------**

**TỜ KHAI**
**Cấp mã số đăng ký, xóa đăng ký các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam**
**Application for AEP code**
Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam

**I. NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ ĐĂNG KÝ - NGƯỜI CÓ QUYỀN LỢI/APPLICANT - PARTY WITH INTERESTS:**

1. Tên/Full name:.....
2. Địa chỉ/Address:.....
3. Số điện thoại/Tel:.....
4. Địa chỉ thư điện tử/Email:.....
5. Quốc tịch/Nationality:.....

**II. TÀU BAY/AIRCRAFT:**

| Nhà sản xuất/kiểu loại<br>*Manufacturer and type of aircraft* | Số xuất xưởng<br>*Model serial number* | Số đăng ký quốc tịch<br>*Nationality registration number* |
|---|---|---|
| | | |
| | | |
| | | |

| Nhà sản xuất động cơ<br>*Engine manufacturer* | Loại động cơ<br>*Type of engine* | Số động cơ<br>*Serial number* |
|---|---|---|
| | | |
| | | |
| | | |

Thông tin bổ sung về tài sản (tại đính kèm)/*Additional information is detailed in annex(es):*.....

**III. LOẠI QUYỀN LỢI/TYPE OF INTEREST:**

| a) Đăng ký<br>*Registration of interest:* | b) Xóa đăng ký quyền lợi<br>*Deregistration of interest* |
|---|---|
| + Thông báo đối với quyền lợi quốc tế trong tương lai, chuyển nhượng trong tương lai, mua bán trong tương lai □ | + Thông báo đối với quyền lợi quốc tế trong tương lai, chuyển nhượng trong tương lai, mua bán trong tương lai □ |

| *Notice of prospective international interest, prospective transfer, prospective sale* | | *Notice of prospective international interest, prospective transfer, prospective sale* | |
|---|---|---|---|
| + Quyền lợi quốc tế<br>*International interest* | □ | + Quyền lợi quốc tế<br>*International interest* | □ |
| + Hợp đồng bán<br>*Contract of sale* | □ | + Hợp đồng bán<br>*Contract of sale* | □ |
| + Khác (ghi cụ thể)<br>.....<br>*Other (specified type)*<br>... ... ... ... ... ... ... ... ... ... ... | □ | + Khác (ghi cụ thể)<br>.....<br>*Other (specified type)*<br>... ... ... ... ... ... ... ... ... ... ... | □ |

*Tài liệu gửi kèm theo đơn/Attachments:*

*Ngày tháng năm*
*Date month year*
**Người đề nghị/Applicant**
*(Ký/đóng dấu)/(Signature/seal)*

Tôi xin cam đoan các thông tin trong đơn là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai trong đơn này.

I declare that all particulars supplied in this application are correct and complete and shall fully be responsible for the provided information.

**Phần xác nhận của Cục Hàng không Việt Nam/*CAAV ONLY:***

| **MÃ SỐ ĐĂNG KÝ/AUTHORIZATION CODE** |
|---|
| ..... |

*Ngày tháng năm*
*Date month year*
Ký tên/Signature

**Mẫu số 12**

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC**
**NAME OF ORGANIZATION**
**-------**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
**Independence - Freedom - Happiness**

**TỜ KHAI**
**Đăng ký chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký quốc tịch và xuất khẩu tàu bay**
**Application for Irrevocable Deregistration and Export Request Authorisation (IDERA)**

Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam

**I. NGƯỜI ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ/APPLICANT:**

1. Tên/Full name:.....
2. Địa chỉ/Address:.....
3. Số điện thoại/Tel:.....
4. Địa chỉ thư điện tử/Email:.....
5. Quốc tịch/Nationality:.....

**II. TÀU BAY/AIRCRAFT:**

| Nhà sản xuất/kiểu loại *Manufacturer and type of aircraft* | Số xuất xưởng *Model serial number* | Số đăng ký quốc tịch *Nationality registration number* |
|---|---|---|
| | | |

| Nhà sản xuất động cơ *Engine manufacturer* | Loại động cơ *Type of engine* | Số động cơ *Serial number* |
|---|---|---|
| | | |
| | | |

Thông tin bổ sung về tàu bay/*Additional information:*.....

Căn cứ Điều XIII của Nghị định thư về các vấn đề cụ thể đối với trang thiết bị tàu bay của Công ước về quyền lợi quốc tế đối với trang thiết bị lưu động (Công ước và Nghị định thư Cape Town 2001), người đề nghị đăng ký chỉ định người có quyền yêu cầu xuất khẩu và xóa đăng ký đối với tàu bay nói trên như sau/*Under the authority of Article XIII of the Protocol to the Convention on International Interests in Mobile Equipment on matters specific to Aircraft Equipment, this instrument is an irrevocable deregistration and export request authorisation issued by the undersigned in favour of the 'Authorised Party':*

**NGƯỜI ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH/AUTHORISED PARTY:**

- Tên/Full name:.....
- Địa chỉ/Address:.....
- Số điện thoại/Tel:.....
- Địa chỉ thư điện tử/Email:.....
- Quốc tịch/Nationality:.....

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam/*In accordance with that Article, the undersigned*

*hereby requests:*

1. Công nhận rằng người được chỉ định là người duy nhất được phép/*recognition that the Authorised Party or the person it certifies as its designee is the sole person entitled to:*

(a) thực hiện việc xóa đăng ký tàu bay trong Sổ đăng bạ tàu bay do Cục Hàng không Việt Nam quản lý nhằm mục đích của Chương III Công ước về hàng không dân dụng quốc tế ký tại Chicago ngày 7/12/1944/*procure the de-registration of the aircraft from The aircraft Register of Viet Nam maintained by the Civil Aviation Authority of Vietnam for the purposes of Chapter III of the Convention on International Civil Aviation, signed at Chicago, on 7 December 1944, and*

(b) thực hiện việc xuất khẩu và chuyển giao tàu bay khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam/*procure the export and physical transfer of the aircraft from Socialist Republic of Vietnam; and*

2. Xác nhận rằng người được chỉ định có thể thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 1 nói trên theo yêu cầu bằng văn bản mà không cần có sự đồng ý của người đề nghị đăng ký và theo yêu cầu đó, Cục Hàng không Việt Nam và các cơ quan có liên quan sẽ tạo điều kiện và hợp tác với người được chỉ định để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 nói trên/*confirmation that the Authorised Party may take the action specified in clause (i) above on written demand without the consent of the undersigned and that, upon such demand, the authorities in Socialist Republic of Vietnam shall co-operate with the Authorised Party with a view to speedy completion of such action.*

Các quyền của người được chỉ định được thiết lập theo văn bản này không thể bị người đề nghị đăng ký hủy bỏ mà không có sự đồng ý bằng văn bản của người được chỉ định/*The rights in favour of the Authorised Party established by this instrument may not be revoked by the undersigned without the written consent of the Authorised Party.*

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam xác nhận đối với việc chỉ định này/*Please acknowledge your agreement to this request and its terms by appropriate notation.*

*Tài liệu gửi kèm theo đơn/Attachments:*

*Ngày tháng năm*
*Date month year*
**Người đề nghị/Applicant**
*(Ký/đóng dấu)/(Signature/seal)*

Tôi xin cam đoan các thông tin trong đơn là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai trong đơn này.

I declare that all particulars supplied in this application are correct and complete and shall fully be responsible for the provided information.

**Phần xác nhận của Cục Hàng không Việt Nam/*CAAV ONLY:***

*Thông tin chi tiết/Details:*
Số/No:.....

*Ngày tháng năm*
*Date month year*
Ký tên/Signature

**Mẫu số 13**

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC**<br>**NAME OF ORGANIZATION**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------**<br>**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**<br>**Independence - Freedom - Happiness**<br>**----------** |

**TỜ KHAI**
**Xóa đăng ký chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký quốc tịch và xuất khẩu tàu bay**
**Revocation IDERA**

Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam

**I. NGƯỜI ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ/APPLICANT:**

1. Tên/Full name:.....

2. Địa chỉ/Address:.....

3. Số điện thoại/Tel:.....

4. Địa chỉ thư điện tử/Email:.....

5. Quốc tịch/Nationality:.....

Căn cứ đơn đề nghị đăng ký chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký và xuất khẩu tàu bay đã được Cục Hàng không Việt Nam xác nhận đăng ký (Số: /năm/IDERA-CHK) đối với tàu bay/*The Irrevocable Deregistration and Export Request Authorisation (IDERA), agreed by Civil Aviation Authority of Vietnam (Number ref: /year/IDERA-CHK) for the aircraft:*

**II. TÀU BAY/AIRCRAFT:**

| Nhà sản xuất/kiểu loại<br>*Manufacturer and type of aircraft* | Số xuất xưởng<br>*Model serial number* | Số đăng ký quốc tịch<br>*Nationality registration number* |
|---|---|---|
| | | |
| | | |
| | | |

| Nhà sản xuất động cơ<br>*Engine manufacturer* | Loại động cơ<br>*Type of engine* | Số động cơ<br>*Serial number* |
|---|---|---|
| | | |
| | | |
| | | |

Thông tin bổ sung về tàu bay/*Additional information*:.....

Người đề nghị xóa đăng ký (người được chỉ định có quyền yêu cầu xóa đăng ký và xuất khẩu tàu bay) đề nghị xóa đăng ký đối với chỉ định nói trên/*The applicant (the Authorised Party under the IDERA) revokes the IDERA.*

Đề nghị Cục Hàng không Việt Nam xác nhận đối với đề nghị này/*Please acknowledge your agreement to this request and its terms by appropriate notation.*

*Tài liệu gửi kèm theo đơn/Attachments:*

*Ngày tháng năm*
*Date month year*
**Người đề nghị/Applicant**
*(Ký/đóng dấu)/(Signature/seal)*

Tôi xin cam đoan các thông tin trong đơn là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai trong đơn này.

I declare that all particulars supplied in this application are correct and complete and shall fully be responsible for the provided information.

**Phần xác nhận của Cục Hàng không Việt Nam/*CAAV ONLY:***

*Thông tin chi tiết/Details:*
Số/No:.....

*Ngày tháng năm*
*Date month year*
Ký tên/Signature

**Mẫu số 14**

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC**<br>**NAME OF ORGANIZATION**<br>**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>**----------**<br>**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**<br>**Independence - Freedom - Happiness**<br>**----------** |

**TỜ KHAI**
**Cung cấp thông tin**
**Application for information provision on aircraft**

**I. NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/APPLICANT**

1. Tên/Full name: .....
2. Quốc tịch/Nationality: .....
3. Địa chỉ/Address:.....
4. Điện thoại/Tel:

**II. TÀU BAY/AIRCRAFT**

1. Loại tàu bay/Type of aircraft:.....
2. Kiểu loại tàu bay/Designation of aircraft:.....
3. Nhà sản xuất/Manufacturer:.....
4. Số xuất xưởng tàu bay/Aircraft serial number:.....
5. Trọng lượng cất cánh tối đa/MTOW:.....
6. Năm xuất xưởng/Year:.....
7. Số lượng và kiểu loại động cơ/Number and designation of engines:.....
8. Dấu hiệu quốc tịch và dấu hiệu đăng ký/Nationality and registration mark:.. .....

**III. NỘI DUNG CUNG CẤP THÔNG TIN/DETAILED INFORMATION**

1. Nội dung/Details:.....
2. Hình thức nhận thông tin/Form of information receipt:.....

*Tài liệu gửi kèm theo đơn/Attachments:*

*Ngày tháng năm*
*Date month year*
**Người đề nghị/Applicant**
*(Ký/đóng dấu)/(Signature/seal)*

Tôi xin cam đoan các thông tin trong đơn là hoàn toàn chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai trong đơn này.

I declare that all particulars supplied in this application are correct and complete and shall fully be responsible for the provided information.

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

| | |
|---|---|
| Địa chỉ: | Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội |
| Điện thoại liên hệ: | |
| - Nội dung: | 080.44417; Fax: 080.44517 |
| - Phát hành: | 080.48543 |
| Email: | congbao@chinhphu.vn |
| Website: | http://congbao.chinhphu.vn |
| In tại: | Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng |